

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG CUỐI NĂM, NĂM HỌC 2024-2025

2. Điểm số học sinh

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 1				Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 2					Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 3				Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 4				Tổng số HS có KQĐ G	Lớp 5			
			Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐ G	Trong tổng số							
				Nữ	Dâ n tộc	Nữ dân tộc			Khuy ết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc			Lớp ghép	Kh uyế t tật	Nữ			Dân tộc	Nữ dân tộc	Khuy ết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Kh uyết tật
1. Kết quả học tập																											
1. Tiếng Việt																											
	652	649	119	53			131	61	1	1			107	53				152	70	1			140	60			
Điểm 10		87	20	8			12	6					16	13				12	9				27	17			
Điểm 9		245	43	22			52	33	1	1			56	29				46	26				48	25			
Điểm 8		173	25	15			41	15					23	9				43	17				41	13			
Điểm 7		91	22	6			18	4					7	2				23	11	1			21	5			
Điểm 6		36	5	1			6	3					4					18	4				3				
Điểm 5		14	2	1			2						1					9	2								
Dưới điểm 5		3	2															1	1								
2.Toán																											
	652	649	119	53			131	61	1	1			107	53				152	70	1			140	60			
Điểm 10		140	20	8			26	15					12	8				14	9	1			68	32			
Điểm 9		254	49	22			58	29	1	1			53	28				62	32				32	14			
Điểm 8		120	20	9			24	9					28	12				25	12				23	6			
Điểm 7		54	10	4			7	3					8	3				19	4				10	6			
Điểm 6		51	10	8			14	4					1					19	6				7	2			
Điểm 5		27	8	2			2	1					5	2				12	6								
Dưới điểm 5		3	2															1	1								
3.TH-CN (Công nghệ)																											
	400	399											107	53				152	70	1			140	60			
Điểm 10		65											28	21				19	13				18	9			
Điểm 9		135											28	13				59	29	1			48	28			
Điểm 8		89											29	11				32	17				28	12			
Điểm 7		69											11	4				24	6				34	8			
Điểm 6		32											9	3				15	5				8	2			
Điểm 5		9											2	1				3					4	1			
Dưới điểm 5																											
4. TH-CN (Tin học)																											
	400	400											107	53				153	70	1		1	140	60			
Điểm 10		56											17	10				19	13				20	12			
Điểm 9		142											42	26				54	27	1			46	27			
Điểm 8		75											19	7				32	17				24	7			
Điểm 7		71											15	7				24	7				32	10			
Điểm 6		42											9	2				17	4				16	4			
Điểm 5		13											5	1				6	2				2				
Dưới điểm 5																											
5. Ngoại ngữ																											
	400	400											107	53				153	70	1		1	140	60			
Điểm 10		60											24	16				16	10				20	10			
Điểm 9		121											37	21				56	28				28	15			

Điểm 8		93													27	10					32	12	1				34	18					
Điểm 7		55													10	4					24	9					21	3					
Điểm 6		39													5	2					12	5					22	9					
Điểm 5		31													4						12	6					15	5					
Dưới điểm 5																																	
6. Khoa học	293	292																			152	70	1				140	60					
Điểm 10		113																			32	21					81	38					
Điểm 9		117																			80	35	1				37	17					
Điểm 8		39																			21	7					18	5					
Điểm 7		11																			7	3					4						
Điểm 6		9																			9	3											
Điểm 5		3																			3	1											
Dưới điểm 5																																	
7. Lịch sử và Địa lý	293	292																			152	70	1				140	60					
Điểm 10		67																			30	22					37	18					
Điểm 9		118																			66	31	1				52	25					
Điểm 8		45																			24	6					21	8					
Điểm 7		33																			16	5					17	5					
Điểm 6		18																			9	4					9	2					
Điểm 5		11																			7	2					4	2					
Dưới điểm 5																																	

Người lập biểu

Yết Kiêu, ngày 26 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
YẾT KIỆU

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Phương